TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

Bản án số: 50/2025/DS-ST
Ngày: 16/4/2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Kim Thái Long

2. Bà Nguyễn Anh Thư

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Ông Dương Minh Vương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 600/2024/TLST-DS ngày 20/12/2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 39/2025/QĐST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1);

Địa chỉ trụ sở: 266 - B , Đường N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo theo pháp luật: bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Q và Khai thác tài sản Ngân hàng S (Công ty S2)

Địa chỉ trụ sở: Số B, Đường N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty S2: ông Lê Ngọc T – Chức vụ: Tổng giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022)

Người đại diện theo ủy quyền cho Công ty S2: Ông Nguyễn Nhật Kinh K, sinh năm: 1987 – Chức vụ: Nhân viên Công ty S2.

(Theo các Giấy ủy quyền số 775/2023/UQ-TGĐ ngày 13/9/2023 và 6038/2024/UQ-TGĐ ngày 27/8/2024)

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1991;
Địa chỉ cư trú: 265 Ấp A, xã N, huyện B, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 06/12/2024 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) do người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Nhật Kinh K trình bày:

Vào ngày 09/7/2018, bị đơn ông Nguyễn Văn N có ký với Ngân hàng Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm "GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ TÍN DỤNG KIÊM HỢP ĐỒNG" ngày 09/7/2018 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của ông T1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông T1, loại thẻ tín dụng: nội địa Family với hạn mức được Ngân hàng phê duyệt là 15.000.000đồng, lãi suất 2,6%/01 tháng; mục đích vay: tiêu dùng cá nhân.

Tại bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, Ngân hàng và ông N thỏa thuận về lãi suất, phí, trách nhiệm do vượt hạn mức kèm theo khi sử dụng thẻ tín dụng như sau: Tiền lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22); Các khoản phí liên quan đến thẻ (Điều 24); Ông N còn phải có nghĩa vụ theo dõi tổng dư nợ không để vượt hạn mức đã được phê duyệt, chủ thẻ phải có trách nhiệm thanh toán đối với tất cả giao dịch và tiền phí do vượt hạn mức (Điều 16).

Trường hợp ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thì toàn bộ dư nợ trở thành nợ gốc và áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông N đã thực hiện các giao dịch theo bản tóm tắt sao kê thể hiện tổng số tiền là 34.641.500đồng cùng với phí trễ hạn là 642.159đồng, lãi vay là 43.118.639đồng, phí vượt hạn mức (VHN) là 400.000đồng, phí thường niên là 600.000đồng.

Căn cứ trách nhiệm thanh toán và theo thứ tự thanh toán tại các Điều 2 và Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, ông N không thanh toán đúng thỏa thuận nên vào ngày 23/8/2021, Ngân hàng S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông N và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với số tiền là 17.617.4991đồng thành nợ gốc và áp dụng lãi suất nợ quá hạn (150% của lãi suất công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại) theo quy định tại Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ với ông N nhưng ông N vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn là đã vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn N phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/4/2025 là 48.147.198đồng. Trong đó: nợ gốc là 17.617.499đồng, lãi quá hạn: 3,9%/01 tháng (2,6%x150%) với số tiền là 30.529.699đồng. Yêu cầu ông N có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 17/4/2025 cho đến khi trả xong nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký kết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N đã được đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đến trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa trong thời hạn luật định nhưng vắng mặt không có lý do và ông N cũng không có văn bản nêu ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án không tiếp tục tiến hành hòa giải và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án không tiếp tục hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Về tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 09/7/2018; bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng; Hồ sơ pháp lý của Ngân hàng, các Giấy ủy quyền số 775/2023/UQ-TGĐ ngày 13/9/2023 và 6038/2024/UQ-TGĐ ngày 27/8/2024; Bản tự khai ngày 16/4/2025; Tóm tắt sao kê của ông Nguyễn Văn N các ngày 18/8/2024, 10/3/2024 và 16/4/2025; Quyết định số 2661/2022/QĐ-TTT ngày 28/10/2022; Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải đối thoại tại Tòa ngày 06/12/2024; Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải ngày 10/3/2025; Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 10/3/2025.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào: "GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ TÍN DỤNG KIÊM HỢP ĐỒNG" ngày 09/7/2018 và bản "Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng" do ông N ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Nội dung các tài liệu này thể hiện các điều khoản thỏa thuận giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Văn N về việc ông N đề nghị Ngân hàng cấp cho ông thẻ tín dụng, loại thẻ tín dụng: nội địa Family với mục đích tiêu dùng cá nhân. Ông N cam kết thanh toán theo các điều khoản được quy định tại "GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ TÍN DỤNG KIÊM HỢP ĐỒNG" ngày 09/7/2018 của Ngân hàng khi sử dụng thẻ tín dụng được cấp nên xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*". Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện. Tòa án nhân dân huyện Bến Lức thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại "GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ TÍN DỤNG KIÊM HỢP ĐỒNG" ngày 09/7/2018, ông N cung cấp thông tin về nơi cư trú của ông là tại ấp A, xã N, huyện B, tỉnh Long An. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 5, 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[3] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn N vắng mặt từ khi thụ lý vụ án và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về áp dụng pháp luật nội dung: Căn cứ vào "GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ TÍN DỤNG KIÊM HỢP ĐỒNG" ngày 09/7/2018 được ông Nguyễn Văn N ký kết và được Ngân hàng phê duyệt, xác định giao dịch giữa các đương sự được xác lập vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực. Do đó luật được áp dụng để giải quyết vụ việc là Bộ luật dân sự năm 2015

[5] Về nội dung tranh chấp:

[5.1] Về hình thức, nội dung của "GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ TÍN DỤNG KIÊM HỢP ĐỒNG" ngày 09/7/2018: đây là Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được xác lập giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Văn N. Tại mục chữ ký và họ tên của của chủ thẻ chính của "GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ TÍN DỤNG KIÊM HỢP ĐỒNG" ngày 09/7/2018 có chữ ký và chữ viết họ và tên của ông N; Mục chữ ký của người cấp thẻ có chữ ký và được đóng dấu Ngân hàng, các bên ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, có nội dung không trái pháp luật và đạo đức xã hội, có hình thức phù

hợp theo quy định tại các Điều 401,402, 405 của Bộ luật Dân sự năm 2015 do đó làm căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia giao kết hợp đồng.

Tại thời điểm giao kết, ông N có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật do đó ông N phải có nghĩa vụ thực hiện các theo cam kết quy định tại bản "Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng" như: Thanh toán đối với tất cả giao dịch và tiền phí phát sinh do vượt hạn mức (Điều 16), thanh toán tiền lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22), thanh toán các khoản phí liên quan đến thẻ (Điều 24)

Căn cứ vào bản tóm tắt sao kê của ông Nguyễn Văn N do Ngân hàng cung cấp ông N đã thực hiện giao dịch đến ngày 22/5/2021 thì không tiếp tục thanh toán với số tiền dư nợ đến ngày 22/8/2021 là 17.617.499đồng nên vào ngày 23/8/2021, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của ông N và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là đúng thỏa thuận tại Điều 23 như sau: "v*iệc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm hợp đồng. Trong trường hợp này toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ phải thanh toán*" và Đơn vị phát hành thẻ có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động: "*Áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố tại thời điểm hiện tại*; *Tiến hành các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ, kể cả khởi kiện chủ thẻ...*".

Sau khi Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng của ông N và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 17.617.499đồng sang nợ quá hạn vào ngày 23/8/2021 cho đến nay nhưng ông N vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ hoàn trả của bên vay được quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Ngân hàng khởi kiện ông N để thu hồi số tiền nợ gốc là 17.617.499đồng là có căn cứ.

[5.2] Đối với yêu cầu ông N thanh toán tiền lãi: Như phân tích ở trên, lãi suất nợ quá hạn các bên đã thỏa thuận tại Điều 23 là 150% của lãi suất được công bố tại thời điểm hiện tại và tại thời điểm chuyển nợ quá hạn lãi suất thẻ tín dụng nội địa theo Quyết định 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06/8/2019 về biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ S1 phát hành tại Việt Nam là 2,6%/tháng. Do đó, lãi suất được áp dụng là 3,9%/tháng với số tiền là 30.529.699đồng là đúng quy định. Đồng thời, xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông N tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 17/4/2025 cho đến khi thanh toán xong hết nợ tại là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.3] Ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án trong đó thể hiện yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng ông N vẫn không

đến Tòa án, không gửi văn bản để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng là tự từ bỏ quyền phản bác đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Từ những phân tích như trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với ông Nguyễn Văn N về việc đòi nợ vay. Buộc ông N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tiền nợ tính đến ngày 16/4/2025 là 48.147.198đồng (trong đó nợ gốc là 17.617.499đồng, lãi quá hạn là 30.529.699đồng). Đồng thời, buộc ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi phát sinh theo thỏa thuận tại "GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ TÍN DỤNG KIÊM HỢP ĐỒNG" ngày 15/9/2015 và bản "Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng" kể từ ngày 17/4/2025 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông P phải chịu án phí theo quy định pháp luật, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 các Điều 35, Điều 39, Điều 147, các Điều 188, 147, 227, 228, 235, 266, 264, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 401,402, 405, 463, 466 và 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 3 Điều 5, Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với bị đơn ông Nguyễn Văn N về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng";

Buộc ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm tính đến ngày 16/4/2025 là 48.147.198đồng. Trong đó nợ gốc là: 17.617.499đồng, nợ lãi quá hạn là 30.529.699đồng.

Kể từ ngày 17/4/2025, ông Nguyễn Văn N còn phải chịu lãi phát sinh cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo thỏa thuận tại "GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ TÍN DỤNG KIÊM HỢP ĐỒNG" ngày 15/9/2015 và bản "Điều khoản và Điều kiện

phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng" cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 2.407.360đồng (*Hai triệu bốn trăm lẻ bảy nghìn ba trăm sáu mươi đồng*).

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.065.000đồng (*Một triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007293 ngày 19/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

4. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Kim Thái Long - Nguyễn Anh Thư **Nguyễn Thành Nam**

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Bến Lức;
- CCTHADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Nguyễn Thành Nam